TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **83**/2020/DS-ST
Ngày: 24 - 12 - 2020.
V/v tranh chấp: " *Hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thiện Nhân.

Ông Võ Văn Hoàng.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Võ Thành Trung – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2020/TLST – DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngô Thị Trúc L1**, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp MắcM, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh BT.

- *Bị đơn:* **Nguyễn Thị ThùyL**, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp BH1, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày nội dung vụ kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:***

Ngày 31/8/2020 chị có cho chị Nguyễn Thị ThùyL vay số tiền 206.000.000 đồng, lãi suất 4% /tháng và có làm một biên lai mượn tiền hai bên cùng kí tên vào. Hai bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ. Mục đích vay là để chị L đáo hạn ngân hàng, trả nợ cho người khác.

Trong quá trình thực hiện chị L không đóng lãi cũng như trả vốn gốc.

Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vay vốn gốc 206.00.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 31/8/2020 đến ngày 31/12/2020 với mức lãi suất là 1,6%/tháng là 13.184.000 đồng.

Chị L1 không yêu cầu chồng của chị L là anh Nguyễn Văn Nh cùng liên đới trả nợ vì lí do anh Nh không phải là người mượn tiền chị.

**** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị ThùyL trình bày:***

Qua yêu cầu khởi kiện của chị L1 thì chị L thừa nhận có vay và còn nợ chị L1 số tiền vốn gốc là 206.000.000 đồng và tiền lãi là 13.184.000 đồng như chị L1 đã nêu. Tuy nhiên, chị đồng ý trả vốn gốc 206.000.000 đồng nhưng đối với phần tiền lãi thì xin bớt không trả do hoàn cảnh kinh tế đang khó khăn và xin trả dần theo hàng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng.

* Tại phiên Tòa, phía nguyên đơn yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ trả nợ một lần, không đồng ý theo như yêu cầu của bị đơn.

**** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo các nguyên tắc do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận có vay và còn nợ nguyện đơn số tiền vốn 206.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả 13.184.000 đồng . Đây là tình tiết được bị đơn thừa nhận được quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị L1 khởi kiện yêu cầu chị L trả số tiền nợ vay là 206.000.000 đồng và tính lãi theo quy định. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Đơn xác nhận ngày 04/11/2020 của Công an xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh BT xác nhận chị L có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp BH1, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh BT. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BĐ.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị L1 buộc chị L phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là 206.000.000 đồng.

Chứng cứ mà chị Ngô Thị Trúc L dùng làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện là: Biên lai mượn tiền đề ngày 31/8/2020.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Chị L thừa nhận có giao dịch vay tiền như chị L1 trình bày là đúng có vay số tiền 206.000.000 đồng và chữ ký trong biên lai mượn tiền đúng là của chị.

Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

Theo biên lai mượn tiền ngày 31/8/2020 hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ và mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng, nên được xem là Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự. Như vậy, chị L đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi đầy đủ cho chị L1 là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Trúc L là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn:

Chị L1 yêu cầu yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ ngày 31/8/2020 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án (tính tròn đến ngày 31/12/2020) theo mức lãi suất quy định pháp luật là 1,6%/tháng.

*Hội đồng xét xử, xét thấy: C*hị L1 yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 31/8/2020 với mức lãi suất chị L1 yêu cầu là 1,6%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

+ Từ ngày 31/8/2020 đến ngày 31/12/2020 (04 tháng) nên số tiền lãi là: 206.000.000 đồng x 04 tháng x 1,6%/tháng = 13.184.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng vốn gốc và tiền lãi mà chị Nguyễn Thị ThùyL phải có nghĩa vụ trả cho chị Ngô Thị Trúc L là: 206.000.000 đồng + 13.184.000 đồng = 219.184.000 đồng.

[5] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của chị L1 được chấp nhận toàn bộ, nên chị L phải chịu án phí theo quy định, số tiền án phí được tính như sau:

219.184.000 đồng x 5% = 10.959.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Trúc L đối với chị Nguyễn Thị ThùyL về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*".

2. Buộc chị Nguyễn Thị ThùyL phải có nghĩa vụ trả cho chị Ngô Thị Trúc L số tiền nợ vay là 219.184.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Trong đó: vốn gốc 206.000.000 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu đồng), tiền lãi: 13.184.000 đồng (Mười ba triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Nguyễn Thị ThùyL phải chịu là 10.959.000 đồng (Mười triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Chị Ngô Thị Trúc L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.345.000 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002121 ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh BT.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BT (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Loan